

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năng
2. Ông Phan Văn Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị B, sinh năm 1976; Địa chỉ: ấp L, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Lê Minh H, sinh năm 1974; Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; Tạm trú: tổ 02, ấp L, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 13/4/2021, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông Lê Minh H kết hôn năm 1995, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 03/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông H thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình, sau khi uống rượu kiểm chuyện chửi mắng, đánh đập bà nên cuộc sống hôn nhân của bà không

còn hạnh phúc. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu được ly hôn với ông H.

- Về con chung: có hai con chung tên Lê Thị Kiều T1, sinh ngày 12/10/1996 và Lê Nhựt T, sinh ngày 05/01/2006. Hiện cháu Lê Thị Kiều T đã thành niên. Bà yêu cầu sau khi ly hôn được quyền nuôi cháu Lê Nhựt T, không yêu cầu ông Lê Minh H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không có

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Lê Minh H nhưng ông đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại bản tự khai ngày 31/12/2021 cháu Lê Nhựt T trình bày nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

* Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị B giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn ông Lê Minh H, yêu cầu nuôi con chung tên Lê Nhựt T, sinh ngày 05/01/2006, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị B và ông Lê Minh H là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh hộ khẩu ngày 31/12/2021 của Công an xã H, huyện C, tỉnh An Giang xác định ông Lê Minh H đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn ông Lê Minh H đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt

bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 *Về hôn nhân:* bà Nguyễn Thị B và ông Lê Minh H kết hôn năm 1995, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 03/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà B và ông H được đoàn tụ, nhưng bà B cương quyết ly hôn, ông H đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà B, điều này chứng tỏ ông H cũng không có nguyện vọng được đoàn tụ với bà B. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B.

2.2 *Về con chung:* bà Nguyễn Thị B và ông Lê Minh H có hai con chung tên Lê Thị Kiều T1, sinh ngày 12/10/1996 và Lê Nhựt T, sinh ngày 05/01/2006. Trong đó cháu T1 đã thành niên, còn cháu Lê Nhựt T hiện đang do bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa cũng như quá trình tố tụng bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Lê Nhựt T. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu T còn nhỏ, để tránh làm xáo trộn đời sống, ảnh hưởng đến việc học của cháu nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B được quyền tiếp tục nuôi con chung là cháu Lê Nhựt T.

2.3 *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* bà Nguyễn Thị B không yêu cầu ông Lê Minh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét buộc ông H có nghĩa vụ cấp dưỡng.

2.4 *Về tài sản chung:* tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5 *Về nợ chung:* không có.

[3] Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị B là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

1. *Về hôn nhân*: bà Nguyễn Thị B được ly hôn ông Lê Minh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 252 quyền số 02 ngày 03/9/2002 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Nhuận, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị B được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Lê Nhựt T, sinh ngày 05/01/2006.

Ông Lê Minh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí sơ thẩm*: bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002736 ngày 24/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. *Quyền kháng cáo*: bà Nguyễn Thị B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/02/2022), ông Lê Minh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Phúc